



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 22/04/2025 (Tuesday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
3	16:20	16:15	↙
1	01:44	05:30	↗
3.2	10:34	13:45	↙
2.8	16:10	18:30	↗
2.8	17:26	19:30	↙
1.1	03:04	06:45	↗

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đức	PANCON CHAMPION	7.3	173	18,606	P/s3 - CL7	00:00	//0300	A3-DT07
2	Phú	SITC CHANGMING	7.1	186	29,274	P/s3 - CL4	02:30	//0600	A2-A6
3	N.Thanh	PANCON BRIDGE	9	172	18,040	P/s3 - CL3	08:00	//1100	A1-A2
4	M.Hùng	BAHARI 6	3.5	55	646	P/s1 - CL2	02:00	//	01
5	Trung - Duy	AS ANNE	9.9	185	25,238	P/s3 - BP6	08:30	Thả neo, Tăng cường dây	A1-A5
6	N.Dũng	SITC SHANDONG	9.4	172	17,119	P/s3 - CL5	08:30	//1130	A3-01
7	Hà - H.Thanh	XIN MING ZHOU 102	9.8	172	18,460	P/s3 - CL7	08:30	//1130	A2-A6
8	Quyển - M.Cường	SINOTRANS TIANJIN	8	144	9,930	P/s3 - CL1	13:00	//1630	A3-01
9	N.Chiến	EVER CONFORM	9.4	172	18,658	P/s3 - CL7	16:30	//1930	A1-A3
10	Đ.Long - Quân	SPIL NIRMALA	9.9	212	26,638	P/s3 - CL6	14:00	//1700	A1-A5
11	Duyệt - Uy	WAN HAI 359	10.3	204	30,519	P/s3 - CL4	17:00	Cano DL, //2030	A2-A6
12	Đào	SAWASDEE CAPELLA	9.8	173	18,072	P/s3 - CL1	18:00	//2100	A2-A6
13	V.Hoàng	SAWASDEE DENEK	9.8	172	18,072	P/s3 - CL5	18:00	//2100	A3-A6
14	Vinh	JOSCO REAL	6.9	172	18,885	H25 - TCHP	18:00	SR	08-12
15	Q.Hung	SEVEN SEAS VOYAGER	7.1	207	42,363	P/S - CR	08:00	QTCR	
16	Q.Hung	SEVEN SEAS VOYAGER	7.1	207	42,363	CR - P/S	17:15	Cano DL	
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Khái	BRIGHT SAKURA	10.5	186	29,622	CM4 - P/s3	09:00	MP-VTX	A9-A10
2	M.Tùng - Thịnh	CSCL BOHAI SEA	11.6	336	116,603	P/s3 - CM4	16:00	Y/c MP-VTX	A9-A10-SF2
3	N.Cường - P.Cần	TSINGTAO EXPRESS	13.5	335	93,750	CM2 - P/s3	14:00	MP-VTX	MR-KS-AWA

No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đ.Toản	WAN HAI 356	9.9	204	30,519	CL4 - P/s3	06:00	LT	A2-A6
2	T.Tùng	SITC HAIPHONG	8.8	162	13,267	CL3 - P/s3	11:00	LT	A3-01
3	N.Hoàng	SITC CEBU	10.8	189	26,771	CL5 - P/s3	11:30	LT	A1-A6
4	N.Tuấn - N.Trường	PANCON CHAMPION	8.2	173	18,606	CL7 - P/s3	11:30	LT	A3-DT07
5	Kiên	CAPE FAWLEY	9	171	15,995	CL C - P/s3	11:30	LT	A5-01
6	P.Thùy	HONG AN	8.7	172	18,724	CL1 - P/s3	16:30	LT	A2-A3
7	P.Hải - Nghị	SEVEN SEAS MARINER	7	217	48,075	TCHP - H25	15:00	Ht lên tàu sớm 30p, SR	12-VIETMY17
8	Hoàn - Tín	SINOTRANS TIANJIN	7	144	9,930	CL1 - P/s3	22:30		A3-01
9	A.Tuấn - P.Tuấn	NYK ISABEL	8.6	210	27,003	CL6 - P/s3	17:30	Cano DL, LT	A1-A5
10	V.Tùng	SITC CHANGMING	8.9	186	29,274	CL4 - P/s3	20:30	Cano DL	A2-A6
11	Th.Hùng	XIN MING ZHOU 102	8.2	172	18,460	CL7 - P/s3	19:30		A2-A6
12	V.Hải	SITC SHANDONG	8.6	172	17,119	CL5 - P/s3	21:00		A3-01
13	Diệu	BAHARI 6	3.5	55	646	CL2 - P/s2	22:30		01
14	Tân	SAWASDEE ALTAIR	9.3	173	18,072	CL7 - P/s3	03:00	LT	A2-A3
15	P.Hung - Giang	STARSHIP JUPITER	9.9	197	27,997	BP6 - P/s3	12:00	ĐX, LT	A5-A6
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	P.Thành - Anh	STARSHIP JUPITER	9.9	197	27,997	CL6 - BP6	04:00	Thả neo, tăng cường dây	A5-A6
2	K.Toàn	NYK ISABEL	10	210	27,003	BP6 - CL6	04:00		A1-A2
3	P.Thành - V.Dũng	AS ANNE	9.9	185	25,238	BP6 - CL C	17:30	Cano DL, Shifting, ĐX	